

Số: 518/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố T, ngày 13 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 211/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông Trần Đình V, sinh năm 1995

Căn cước công dân số 068095006432 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021

Thường trú: Căn hộ B3.914 Chung cư T, số B Đường A, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1999

Căn cước số 083199003279 do Bộ C cấp ngày 31/12/2024

Thường trú: 470/AL ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 29/3/2022.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/3/2025, ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/3/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Không có.

1.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0080308 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lệ Thủy**